TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 108/2022**/DS-ST
Ngày: **29- 9-2022**
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản
Và đòi lại QSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

****/ Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Mười.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Phạm Thị Kim Lan.
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre* tham gia phiên Tòa: Ông Lại Đức Trung- Kiểm sát viên.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Thành Ngọc– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106A/2022/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn:** Ông Lê Quang Tr, sinh năm 1976;

Địa chỉ: P. PK, thành phố BT, Bến Tre.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Anh Trương Phạm Công B, sinh năm 1996;

Địa chỉ: XMTA, thành phố BT, Bến Tre; theo văn ủy quyền ngày 30/3/2022.

***/ Bị đơn**: 1/Bà Ngô Thị Kim C, sinh năm 1969;
Địa chỉ : P.PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
2/ Ông Trần Văn Bé B, sinh năm 1979;
ĐKHKTT : P.PK, thành phố BT. Bến Tre.
Chổ ở hiện nay : P.PK, thành phố BT , tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn* Trần Văn Bé B là chị Phạm Ngọc Minh Ch, sinh năm 2000; theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2022.

Địa chỉ: X. TS, huyện Mõ CT, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn* ông Trần Văn Bé B là luật sư Phan Thị Hồng H - Văn phòng luật sư Hồng H và Cộng sự- Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

***/ Người làm chứng:**

1/ Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1955;

Địa chỉ : P. PT, thành phồ BT, tỉnh Bến Tre.

2/ Bà Phạm Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ : P.PT, thành phồ BT, tỉnh Bến Tre.

3/ Bà Bùi Thị Kim Ng, sinh năm 1978;

Địa chỉ : P.PT, thành phồ BT, tỉnh Bến Tre.

4/ Trần Duy Th, sinh năm 1996 ;

Địa chỉ : P.PT, thành phồ BT, tỉnh Bến Tre.

5/ Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1980 ;

Địa chỉ : P.PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

(Bà C, ông B, bà Ch, Luật sư H có mặt, bà Ng, bà B, bà Ng, ông Th có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2022, bản tự khai, biên bản phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, chứng cứ do đương sự cung cấp cho Tòa án, chứng cứ do Tòa án thu thập và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền củ nguyên đơn Lê Quang Tr là ông Trương Phạm Công B trình bày:

Nguyên trước đây vào ngày 28/9/2020 ông Lê Quang Tr có cho bà Ngô Thị Kim C vay số tiền 300.000.000đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng, có làm biên nhận; đến ngày 15/10/2020 cho vay tiếp số tiền 70.000.000đồng, thời vay 30 ngày, đến ngày 22/10/2020 cho vay tiếp số tiền 60.000.000đồng cả 03 lần cho và đều có làm biên nhận, cùng thời hạn vay là 30 ngày, mục đích vay để bà C trả tiền cho bà H và một số người khác và bà C sửa chữa căn nhà đang ở đã vay nhiều người trước đây. Khi vay bà C có đưa cho ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Bé B đứng tên, phần đất thuộc thửa 43, tờ 34, diện tích 1.047,2m2, tọa lạc phường Phú Tân, thành phố Bến Tre; ông Tr và bà C thỏa thuận khi nào bà C trả đủ tiền cho ông Tr thì ông Tr trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà C, ông Bé B. Sở dĩ ông Bé B không ký tên vào biên nhận vay tiền là do ông Tr nghỉ bà C và ông Bé B là vợ chồng thì chỉ một mình bà C ký tên vào biên nhận nợ cũng hợp lệ. Bà C hẹn nhiều lần nhưng không trả tiền cho ông Tr; đến ngày 22/10/2020 bà Kim C có làm tờ cam kết hẹn trả tiền từ ngày 22/10/2020 đến hết ngày 22/01/2021 bà sẽ trả đủ tiền cho ông Tr nhưng đến nay bà C vẫn chưa trả tiền vay cho ông Tr. Do thời gian qua bà Kim C và ông Bé B không trả tiền cho ông Tr nên quyền lợi của ông Tr bị thiệt thòi, do vậy, nay ông Trưởng yêu cầu ông Trần Văn Bé B phải cùng trách nhiệm liên đới với bà Ngô Thị Kim C trả cho ông Lê Quang Tr số tiền gốc là 430.000.000đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định mức lãi là 0,83%/tháng, kể từ ngày 22/02/2021 cho đến ngày 29/9/2022 là 19 tháng 09 ngày nhưng làm tròn 19 tháng, số tiền lãi là

67.811.000đồng, tổng số tiền gốc, lãi là 497.811.000đồng và ông Tr đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C và ông Bé B khi ông Tr nhận đủ tiền.

Tại bản tự khai, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, chứng cứ do đương sự cung cấp cho Tòa án, chứng cứ do Tòa án thu thập và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Ngô Thị Kim C trình bày:

Qua lời trình bày và yêu cầu về số tiền vay của ông Tr thì bà C có ý kiến như sau:

Nguyên trước đây do cần tiền sửa nhà và lo tiền đám cưới cho con trai Duy Th nên bà đã vay tiền của bà H, bà Ng nhiều lần vào năm 2019, đến năm 2020 thì bà H yêu cầu bà trả tiền để bà Hồng xây nhà nên bà H đã giới thiệu cho bà C vay tiền của ông Tr để trả tiền cho bà H và những người khác nữa. Bà C vay tiền của ông Tr 03 lần với tổng số tiền là 430.000.000đồng, có làm giấy, thời hạn vay là 30 ngày. Khi vay bà C có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chồng bà Trần Văn Bé B đứng tên để đưa cho ông Tr làm tin; mục đích vay tiền của ông Tr về trả tiền nợ cho bà H, bà Ng, số tiền còn lại một dùng sinh hoạt chung cho gia đình; khi vay tiền của ông Tr thì ông Bé B không biết việc vay này nhưng những lần vay vào năm 2018, 2019 thì ông Bé B biết. Bà C khẳng định bà vay tiền của ông Tr để trả tiền cho bà H, bà Ng mà bà đã vay từ năm 2019 của bà H để sửa chữa căn nhà đang sinh sống và chi tiêu đám cưới cho con trai út. Bà và ông Bé B hiện nay chưa có ly hôn, ông bà đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Mặc khác, ông Bé B cho rằng ông hốt hụi số tiền 73.000.000đồng là để sửa chữa căn nhà và mua nữ trang cưới cho con trai là không đúng, vì ông Bé B hốt hụi để mua chiếc xe SH vào năm 2020 đến đầu năm 2022 thì ông Bé B bán chiếc xe này cho bà Ng tạp hóa Phú Kh, việc này bà C có yêu cầu Tòa án xác minh thì bà Ng có khai là có mua chiếc xe SH của ông Bé B vào đầu năm 2022. Việc bà C vay tiền về sửa chữa căn nhà và làm đám cưới cho con trai vào năm 2020 có bà H, bà Ng, bà Ng, bà B và con trai Duy Th biết điều này. Vì vậy, ông Bé B phải có trách nhiệm liên đới với bà C để trả tiền nợ cho ông Tr. Nay qua yêu cầu của ông Tr bà đồng ý trả tiền gốc, tiền lãi với tổng số tiền là 497.811.000đồng và yêu cầu ông Tr trả lại bà C và ông Bé B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Tr đứng tên.

****/ Tại bản tự khai, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, chứng cứ do đương sự cung cấp cho Tòa án, chứng cứ do Tòa án thu thập và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn Bé B là bà Phạm Ngọc Minh Ch cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bé B là luật sư Phan Thị Hồng H đồng trình bày:***

Qua yêu cầu của nguyên đơn thì ông Bé B không đồng ý cùng trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền 497.811.000đồng (tiền gốc là 430.000.000đồng, tiền lãi 67.811.000đồng) cho ông Tr. Lý do:

- Ông Bé B không biết ông Tr là ai, giấy vay tiền không có ông Bé B ký tên, ông Bé B hoàn toàn không biết việc vay tiền này, cho đến khi ông B nhận được thông báo của Tòa án; quá trình giải quyết bà C cũng thừa nhận việc vay tiền của ông Tr là do một mình bà vay, ông Bé B không biết việc vay này.

- Đối với ý kiến của bà C cho rằng tiền vay tiền về lo đám cưới cho con trai ông B cho rằng không đúng, ví lúc này năm 2018 ông Bé B đã hốt 02 dây hụi do ông Trần Trung H làm chủ hụi (ông Hiếu có xác nhận) và giao 02 dây cho ông Bé B để làm đám cưới mua vàng cưới cho con trai, số tiền còn lại Bé B sửa nhà sơn nhà một phần nhỏ, đi đường dây điện, cán nền phía sau sàn nước; việc sửa nhà do ông Bé B trực tiếp kêu thợ sửa nhà và thanh toán tiền cho thợ, bà C cho răng vay tiền về chi tiêu trong gia đình, tính đến năm 2019 thì con gái và con trai ông Bé B đã trưởng thành và đã có công việc làm ổn định; bà C và ông Bé Ba lúc này đã sống riêng không nuôi ai, cho nên ông Bé B không đồng ý lời bà C trình bày là vay tiền của ông Tr về lo chi tiêu sinh hoạt chung cho gia đình, sữa chữa nhà và lo đám cưới cho con và sinh hoạt chung trong gia đình. Mặc khác, đầu năm 2018 thì ông Bé Ba và bà C đã bất đồng quan điểm, khi ông Bé B đi ra ngoài sinh sống chỉ mang theo quần, áo chứ không mang theo giấy tờ, tài sản gì. Đến tháng 9/2018 ông Bé B nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre; sau đó do lúc này do sắp đến thời gian đám cưới con trai nên bà C yêu cầu ông Bé B rút đơn về để lo đám cưới cho con trai. Nghĩa là từ tháng 9/2018 thì ông Bé B và bà C đã sống ly thân; ngày 7/9/2020 thì ông Bé B ra bên ngoài sinh sống cho đến nay (có xác nhận của công an địa phương). Trong biên quá trình giải quyết vụ án bà C trình bày số tiền vay của ông Tr bà còn dùng vào việc đi lo thầy để ông Bé B về nhà, việc chi tiền này không hải là chi tiêu sinh hoạt gia đình.

***/ Tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Thanh H vào ngày 16/8/2022, cùng chứng cứ do bà H cung cấp cho Tòa án và chứng cứ do Tòa án thu thập và tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng bà Thanh H trình bày:**

Nguyên trước đây vào ngày 29/4/2019 bà có cho bà Kim C vay tiền nhiều lần; lần 1 số tiền 140 triệu đồng, có làm giấy tay, mục đích vay để sửa chữa nhà; lần 2: ngày 24/6/2019 cho vay tiếp số tiền 120 triệu đồng, không thời hạn, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, mục đích vay mua vàng cưới vợ cho con trai và lo tiền đi chợ đám cưới; bà C hẹn sau khi đám cưới xong sẽ trả tiền lại cho bà H (đám cưới vào ngày 30/6/2019) bà có đi tham dự. Sau đám cưới bà C không thực hiện đúng lời hứa, do lúc này bà H cần tiền kinh doanh gấp nên bà H đã giới thiệu ông Lê Quang Tr cho bà Kim C vay tiền để trả tiền lại cho H, hiện nay bà Kim C đã trả đủ tiền cho bà H. Bà H cam đoan lời trình bày của bà là đúng sự thật, nếu có gì sai trái bà H hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

***/Tại biên bản lấy lời khai vào ngày 12/9/2022 người làm chứng bà Phạm Thị B có lời trình bày:**

Bà chỉ biết bà Kim C chứ không có quan hệ gì. Nguyên trước đây vào ngày 15/8/2018 bà có cho bà Ngô Thị Kim C vay số tiền 50 triệu đồng, mục đích vay sửa chữa nhà, xây sở cho gia đình; đến ngày 15/10/2020 thì bà C đã trả đủ tiền cho bà.

Bà cam đoan trình bày đúng sự thật, nếu có gì sai trái bà B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà, bà cam đoan sẽ không có khiếu nại gì về sau.

***/Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2022 người làm chứng bà Bùi Thị Kim Ng có lời trình bày:**

Bà chỉ biết bà Kim C chứ không có quan hệ gì với bà C. Nguyên trước đây vào ngày 12/01/2017 bà có cho bà Ngô Thị Kim C vay số tiền 50 triệu đồng, mục đích vay về sinh hoạt chung cho gia đình; đến ngày 24/10/2020 thì bà C đã trả đủ tiền cho bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà, Bà cam đoan trình bày đúng sự thật, nếu có gì sai trái bà Ng hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

***/Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2022 người làm chứng bà Trần Thị Ng có lời trình bày:**

Bà Kim C là cháu dâu của bà, ông Bé B là cháu ruột của bà. Vào năm 2019 bà có nghe cháu dâu bà Kim C kể lại cháu C vay tiền của cô Hvề sửa chữa nhà đến 2-3 lần. Bà Ng có nghe Kim C nói vay tiền ông Tr về trả tiền cho cô H và những người khác, bà có đến nhà thấy có sửa nhà 2-3 lần. Việc ông Tr yêu cầu vợ chồng Bé , Kim C trả tiền cho ông Tr bà thấy yêu cầu này là hợp lý. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà. Bà cam đoan trình bày đúng sự thật, nếu có gì sai trái bà Ng hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

***/Tại phiên tòa sơ thẩm Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm như sau:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự năm 2015, về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Ý kiến giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là biên nhận nợ ông Tr, bà C cung cấp cho Tòa án và các chứng do Tòa án thu thập và sự thừa nhận của bà Ngô Thị Kim C thì có cơ sở khẳng định vào các ngày 28/9/2020, 15/10/2020, 22/10/2020 ông Tr có cho bà C vay tổng số tiền là 430.000.000đồng, có làm biên nhận, đến hạn không trả và bà C có làm tờ cam kết đến hết ngày 22/01/2021 bà trả tiền cho ông Tr nhưng đến nay bà C chưa trả tiền cho ông Tr là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền; ông Tr yêu cầu bà C trả tiền là phù hợp theo quy định. Căn cứ vào lời khai của bà C, người làm chứng bà H, bà Ng, bà B các bà là chủ nợ trước đây bà C vay tiền của các bà về sữa chữa căn nhà; hiện tại bà C và ông Bé B có đăng ký kết hôn và chưa có ly hôn; việc sữa chữa căn nhà làm tăng thêm khối tài sản chung của ông Bé B và bà Kim C, do đó, có căn cứ buộc trách nhiệm liên đới ông Trần văn Bé B cùng với bà Ngô Thị Kim C có trả cho ông Lê Quang Tr tổng số tiền vay, lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

- Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang Tr đối với vợ chồng bà Kim C và ông Bé B.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Văn Bé Bđối với ông Lê Quang Tr về việc buộc ông Tr trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Bé B đứng tên; ông Tr đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bé Ba và bà Kim C, nên được chấp nhận.

*****/ Về án phí dân sự sơ thẩm các bên đương sự phải phải chịu theo quy định.(Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Quang Tr khởi kiện bị đơn bà Ngô Thị Kim Cvà ông Trần Văn Bé B, hiện tại bà Ngô Thị Kim C và ông Trần Văn Bé B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 491F, Khu phố 4, phường Phú Tân, thành phố Bến TRe nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/3/2022 thì ông Lê Quang Tr có cho bà Ngô Thị Kim C vay tiền 03 lần với tổng số tiền là 430.000.000đồng, có viết biên nhận nợ cho ông Tr và bà C có cầm cố cho ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Bé B đứng tên; hai bên thỏa thuận khi nào bà C trả đủ tiền thì ông Tr trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mục đích vay sinh hoạt trong gia đình. Do bà C hẹn hoài không trả lại tiền cho ông Tr theo thỏa thuận, đến ngày 22/01/2021 bà C viết tờ cam kết hẹn đến hết ngày 22/01/2021 sẽ trả đủ tiền cho ông Tr nhưng bà C không thực hiện đúng lời cam kết. Do bà C vi phạm nghĩa vụ trả lãi, gốc cho ông Tr nên việc ông Tr khởi kiện để yêu cầu bà C và ông Bé B phải có trách nhiệm liên đới trả trả cho ông Tr số tiền 430 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi theo qui định của pháp luật kể từ ngày 22/02/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2022) làm tròn 19 tháng, mức lãi theo quy định. Phía bị đơn ông Bé B có yêu cầu phản tố với nguyên đơn về việc trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Bé B đứng tên; yêu cầu của ông Lê Quang Tr là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được xem xét theo quy định tại khoản 3, 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Khoảng tháng 9/2020 ông Lê Quang Tr có cho bà Ngô Thị Kim C vay 03 lần với tổng số tiền là 430 triệu đồng, có làm 03 biên nhận; *thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay sửa chữa căn nhà, sinh hoạt chung cho gia đình; khi vay bà C có cầm cố cho ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Bé B đứng tên; quá thời hạn trả nợ nhưng bà C không trả, ông Tr đời nợ nhiều lần đến ngày 22/01/2021 bà Kim C có làm tờ cam kết hẹn đến hết ngày 22/01/2021 bà Kim C sẽ trả đủ tiền cho ông Tr nhưng đến nay bà Kim C không trả tiền vay cho ông Tr. Do bà Kim C vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi nên ông Lê Quang Tr yêu cầu ông Trần Văn Bé B và bà Ngô Thị Kim C có trách nhiệm liên đới trả cho ông Tr số tiền gốc là 430 triệu đồng và tiền lãi 19 tháng theo mức lãi quy định. Phía bị đơn bà Ngô Thị Kim C đồng ý qua yêu cầu của ông Tr nhưng phải buộc ông Bé B cùng trách nhiệm liên đới cùng bà C trả tiền cho ông Tr, đồng thời ông Trần Văn Bé B có yêu cầu phản tố với nguyên đơn ông Lê*

Quang Tr về việc buộc ông Tr trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bé B và bà Kim C; việc yêu cầu của ông Tr và yêu cầu của ông Bé B là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[***4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang Trưởng:***

- Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Nguyễn Công B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Trần Văn Bé B cùng trách nhiệm liên đới với bà Ngô Thị Kim C trả tổng số tiền vay cho ông Tr là 497.811.0000đồng (trong đó gốc: 430.000.000đồng, lãi: 67.811.000đồng) và ông Tr đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C và ông Bé B khi ông Tr nhận đủ tiền.

Xét thấy: Ông Tr yêu cầu bà bà Ngô Thị Kim C trả số tiền gốc là 430 triệu đồng, được bà C đồng ý và phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Đối với việc yêu cầu tính lãi của ông Tr theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng kể từ ngày 22/02/2021 cho đến ngày 29/9/2022 là làm tròn 19 tháng với số tiền lãi 67.811.000đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đối với yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới của ông Trần Văn Bé B cùng vợ bà Ngô Thị Kim C trả tiền vay cho ông Tr. Xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của bà C, bà H, bà B, bà Ng, bà Ng, ông Th đều cho rằng bà Kim C vay tiền của các bà nêu trên về sinh hoạt chung cho gia đình và sữa căn nhà mà vợ chồng ông Bé B, bà Kim C sinh sống; mặc dù bà C vay tiền của ông Tr là sau đám cưới và cũng sau khi sửa chữa căn nhà nhưng bà C vay số tiền của ông Tr để về trả nợ vay của bà H trước đây khi. Nhận thấy: Việc sửa chữa căn nhà đã làm tăng giá thêm trị giá căn nhà mà căn nhà này là tài sản chung của bà C và ông Bé B. Ông Bé B và bà Kim C hiện là vợ chồng theo quy định. Do đó, ông Tr yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới ông Bé B cùng bà Kim C trả tổng số tiền cho ông Tr là có cơ sở theo quy định Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Buộc ông Trần Văn Bé B cùng trách nhiệm liên đới với bà Ngô Thị Kim C trả tổng số tiền vay cho ông Lê Quang Tr là 497.811.000đồng đồng (gốc: 430.000.000đồng, lãi 67.811.000đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Ông Bé B và bà Kim C phải chịu án dân sự sơ thẩm. Ghi nhận Lê Quang Tr đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Bé B và bà Ngô Thị Kim C.

[***5] Xét đối với ý kiến của bị đơn Trần Văn Bé B qua yêu cầu của ông Lê Quang Tr và yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Bé B đối với ông Lê Quang Tr:***

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Ngọc Minh Ch cùng người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho luật sư Phan Thị Hồng H không đồng ý qua yêu cầu của ông Tr với lý do:

Căn cứ vào 03 biên nhận nợ do ông Tr cung cấp cho Tòa án thì ông Bé B không có ký tên vào 03 biên nhận này cũng như ông Bé B hoàn toàn không biết số tiền bà C vay và thế chấp số đỏ do ông đứng tên cho ông Tr việc bà C vay tiền sử dụng mục đích riêng của bà; bà C cũng không thông báo cho ông Bé B biết số tiền vay này. Việc sửa chữa

căn nhà và lo đám cưới cho con trai là tiền của ông Bé B đã hốt 02 phần hụi, tổng số tiền là 73.000.000đồng để lo đám cưới cho con trai. Mặc khác, ông Bé B đã ra ngoài sinh sống từ ngày 07/9/2020 cho đến nay. Xét đối với ý kiến của ông Bé B không đồng ý tiền cho ông Tr. Căn cứ vào lời trình bảy của bà C; lời trình bày của người làm chứng của bà Thanh H, bà B, bà Ng, bà Ng, ông Th đã xác nhận khi bà C vay tiền của những bà này thì bà C có nói mục đích vay tiền về sửa chữa căn nhà để lo đám cưới cho con trai và sinh hoạt chung cho gia đình; căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án đối với bà Ng thì bà Ng cho biết vào đầu năm 2022 ông Bé B có bán cho bà chiếc xe SH cho bà Ng; bà C vay tiền trong thời kỳ hôn nhân, đến nay bà C và ông Bé B vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp; giao dịch dân sự trong thời kỳ hôn nhân do một trong hai bên thực hiện nhằm mục đích chi tiêu sinh hoạt chung và tôn tạo khối tài sản chung của vợ chồng thì vợ chồng ông Bé B phải cùng chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo giao dịch dân sự vay tiền của ông Lê Quang Tr. Do vậy, lời nại của ông Bé B không đúng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những phân tích nêu trên có cơ sở buộc ông Trần Văn Bé B cùng trách nhiệm liên đới với bà Ngô Thị Kim C trả tổng số tiền vay cho ông Lê Quang Tr là 497.811.000đồng (gốc: 430.000.000đồng, lãi 67.811.000 đồng). Ông Tr và bà Kim C phải chịu án phí dân sự.

- *Xét đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Bé B* đối với ông Lê Quang Tr về việc yêu cầu ông Tr trả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Bé B đứng tên, phần đất thuộc thửa 43, tờ 34, diện tích 1.047,2m^2, tọa lạc phường Phú Tân, thành phố Bến Tre cho ông Trần Văn Bé B cho ông Bé B. Nhận thấy: Ông Tr đồng ý trả giấy chứng nhận nhưng với điều kiện khi ông Tr nhận đủ số tiền mà vợ chồng ông Bé B trả. Xét thấy ông Trưởng khi cho bà C vay ông nhận số đỏ chỉ làm tin chứ không phải bà C vay có thế chấp giấy chứng nhận do ông Bé đứng tên. Do vậy, buộc ông Lê Quang Tr trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Bé B đứng tên, phần đất thuộc thửa 43, tờ 34, diện tích 1.047,2m^2, tọa lạc phường Phú Tân, thành phố Bến Tre cho ông . Ông Bé B không phải chịu án phí dân sự.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do đó ông Lê Quang Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Tr chịu án phí cho yêu cầu của ông Bé B được chấp nhận là 300.000đồng.

- Bà Ngô Thị Kim C và ông Trần Văn Bé B phải chịu án phí là 23.912.000 (Hai mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) và được khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu tiềm tạm ứng án phí số: 0009838 ngày 25/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Ông Bé B và bà Kim C còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 23.612.000 (Hai mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

[7] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92 , khoản 2 Điều 227, Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2914; NQ 01/2019/ NQ-HĐ-TP ngày 11/01/2019 của HĐTP-TANDTC; điểm a, khoản 2 Điều 6, Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang Tr đối với bị đơn bà Ngô Thị Kim C và ông Trần Văn Bé B.

Buộc ông Trần Văn Bé B cùng trách nhiệm liên đới với bà Ngô Thị Kim C trả cho ông Lê Quang Tr tổng số tiền là 497.811.000đồng (Bốn trăm chín mươi bảy triệu tám trăm mười một nghìn) (trong đó gốc: 430.000.000đồng, lãi : 67.811.000đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (ông Tr), nếu người phải thi hành án (ông Bé B, bà Kim C) chưa thi hành số tiền nêu trên cho ông Trưởng thì hàng tháng ông Bé B, bà Kim C còn phải chịu lãi suất theo qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Bé B đối với ông Lê Quang Tr.

Ghi nhận ông Lê Quang Tr có nghĩa vụ trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn Bé B đứng tên, phần đất thuộc thửa 43, tờ 34, diện tích 1.047,2m^2, tọa lạc phường Phú Tân, thành phố Bến Tre cho ông Trần Văn Bé B và bà Ngô Thị Kim C khi ông Tr nhận đử tiền.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Lê Quang Tr phải chiu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tám ứng án phí là 11.863.000 (Mười một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005299 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn loại số tiền 11.563.000 (Mười một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai nêu trên cho ông Lê Quang Tr.

- Bà Ngô Thị Kim C và ông Trần Văn Bé B phải chịu án phí là 23.912.000 (Hai mươi ba triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0098398 ngày 28/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Như vậy, ông Bé B và bà Kim C phải nộp tiếp số tiền án phí là 23.612.000 (Hai mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

- Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre**;**
- Chi cục THADS-Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Mười

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Phạm Thị Kim Lan- Trịnh Ngọc Hồng	**Huỳnh Thị Mười**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS-Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Mười

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hiền- Dương Thị Thanh Thúy **Huỳnh Thị Mười**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS-Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Mười

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Trần Văn Hổ - Lê Minh Thiện	**Huỳnh Thị Mười**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS-Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Mười

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Trần Văn Hổ- Lê Minh Thiện	**Huỳnh Thị Mười**

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Hổ **Lê văn Giàu** **Nguyễn Thị Thanh Thảo**